

**TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP**

Địa chỉ: Số 63 Đường Yersin, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3829534 | Fax: (0274) 3824112

Website: [www.thalexim.vn](http://www.thalexim.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT  
NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

*Bình Dương, năm 2023*

## PHỤ LỤC IV

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....2...0../BC-TL

Bình Dương, ngày 19. tháng 04 năm 2023

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

#### I. THÔNG TIN CHUNG:

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700146458
- Vốn điều lệ: 2.366.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 63 Đường Yersin, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Số điện thoại: (0274) 3829534 - 3829535

- Số fax: (0274) 3824112 - 3829533

- Website: <http://thalexim.vn/>

- Mã cổ phiếu: TLP

##### **Quá trình hình thành và phát triển:**

Thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tăng hiệu quả hoạt động, áp dụng mô hình quản trị tiên tiến. Ngày 28/10/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2711/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV.

Ngày 09/08/2017, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/08/2017 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV.

Ngày 22/12/2017, Tổng Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu theo mô hình công ty cổ phần thành công.

Ngày 02/01/2018, Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi hình thức hoạt động của doanh nghiệp, Tổng Công ty vẫn luôn cố gắng khắc phục khó khăn, bám sát các chỉ tiêu, kế hoạch và hoàn thành tốt các nhiệm vụ đặt ra.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

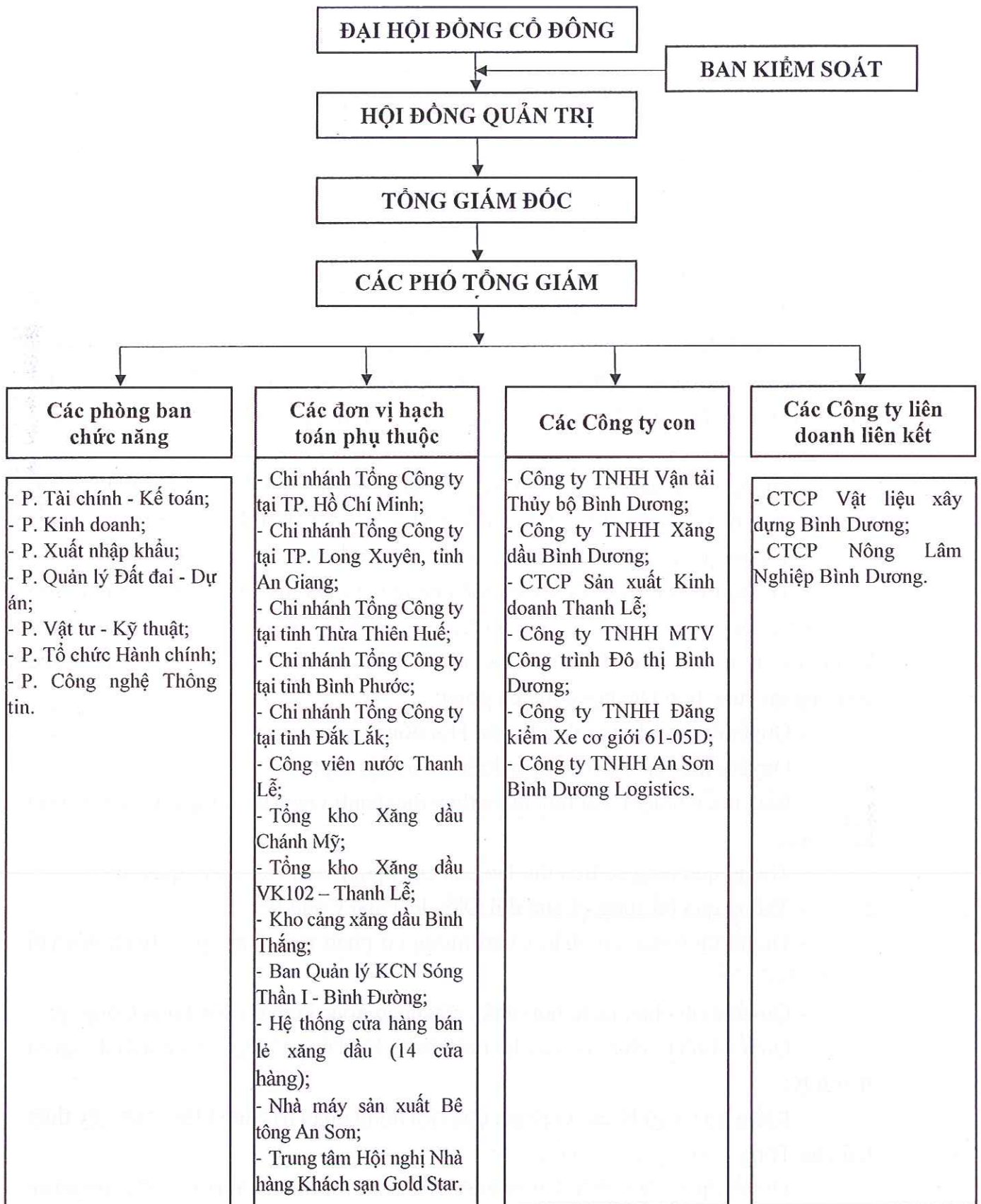
- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP là doanh nghiệp đã được Bộ Công thương cấp phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu, thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu xăng dầu, mua bán nguyên liệu, nhiên liệu xăng dầu, có mạng lưới bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Địa bàn kinh doanh: tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Phước,...

- Các ngành nghề khác: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn ...

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

### **3.1. Mô hình quản trị:**

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP là công ty cổ phần được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.



### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP hoạt động theo “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP” do Đại hội đồng cổ đông lần đầu của Tổng Công ty thông qua ngày 22/12/2017 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; “Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP”, dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Trong đó:

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; báo cáo của Hội đồng quản trị; báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty;
- Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phát hành

của mỗi loại;

- Quyết định việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng kỳ gần nhất;

- Quyết định các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất giữa Tổng Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

- Và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty và có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị về nội bộ của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Ban kiểm soát:** Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, với nhiệm vụ thay mặt các cổ đông kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành và thực trạng tài chính Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty là 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty và không phải là thành viên, hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

**Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty.

- Tổng Giám đốc: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội

đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và theo Điều lệ Tổng Công ty.

- Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc: Là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban chuyên môn, các đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
Công ty con					
1	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng.	66.088.039.787	57,97%
2	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	30.000.000.000	80,00%
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.	13.500.000.000	56,84%
4	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị, trồng và chăm sóc cây xanh, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.	26.000.000.000	100%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
5	Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Tân Uyên, Bình Dương	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác, bán buôn nhiên liệu.	15.000.000.000	100%
6	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Thuận An, Bình Dương	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.	463.879.487.000	60,00%
Công ty liên kết					
1	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Phú Giáo, Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng.	106.883.630.000	35,02%
2	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Dĩ An, Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng.	1.000.000.000.000	25%

#### 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

Tập trung nguồn lực phát triển lĩnh vực kinh doanh chính là xăng dầu. Bám sát tình hình thị trường, xây dựng, điều hành linh hoạt giá cả, phù hợp với diễn biến giá dầu thế giới, đồng thời duy trì các lĩnh vực kinh doanh ngoài xăng dầu theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn, tăng hiệu quả chất lượng dịch vụ, gia tăng sản lượng, năng suất lao động.

Mở rộng phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trên cơ sở cân đối nguồn vốn phù hợp với quy định. Có phương án tăng sản lượng bán lẻ xăng dầu thông qua các cửa hàng xăng dầu hiện hữu và phát triển mới. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các cửa hàng xăng dầu. Xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

Đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh thế mạnh của các công ty con. Tăng cường



hợp tác với các doanh nghiệp có cùng ngành nghề nhằm đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên liệu và mở rộng thị trường tiêu thụ trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và nhà đầu tư.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Duy trì sự ổn định của hoạt động sản xuất trên các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty như kinh doanh xăng dầu, đầu tư cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải sông, biển; cảng xăng dầu; đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư,...

Bảo toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản. Tăng cường công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý bán hàng, tiết giảm chi phí hao hụt xăng dầu, hạn chế rủi ro trong kinh doanh, tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh.

Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng Công ty, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

Thực hiện quản trị điều hành chuyên nghiệp theo mô hình Công ty mẹ là công ty đầu tư, các công ty con hoạt động chuyên môn hóa theo đúng các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty. Hỗ trợ tối đa các công ty thành viên trong khâu định hướng thị trường, tiêu thụ sản phẩm, phù hợp với xu thế thị trường và năng lực của các đơn vị thành viên hướng đến mục tiêu trở thành nhà sản xuất chuyên nghiệp, nhà phân phối uy tín, tăng thêm sức cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường.

Thực hiện chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả, khai thác đa dạng các nguồn cung ứng xăng dầu.

Thu hút, tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, am hiểu thị trường và tập trung đào tạo để phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi chuyên môn, vững nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.

Cải tiến hệ thống lương, thưởng gắn liền với năng lực và kết quả thực hiện công việc của người lao động nhằm tạo động lực thúc đẩy năng suất lao động, đảm bảo công bằng nội bộ và nâng cao năng lực cạnh tranh với thị trường.

## **5. Các rủi ro:**

### **5.1 Rủi ro về kinh tế:**

Hiệu quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển của Tổng Công ty đặt ra yêu cầu luôn phải thích nghi kịp thời với sự thay đổi của các yếu tố nền kinh tế.

- Rủi ro thị trường: Năm 2022, tăng trưởng của kinh tế thế giới bị ảnh hưởng

bởi cuộc xung đột Nga – Ukraine và sự xuất hiện của nhiều yếu tố mới đã làm gia tăng thêm khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, khủng hoảng khí đốt tại Châu Âu, chính sách tài khóa, tiền tệ của nhiều nền kinh tế trên thế giới được điều chỉnh theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát, đồng thời sự gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí vận tải gia tăng đã gây áp lực lên giá cả hàng hóa. Những biến động về chính trị và tình trạng bất định về quản trị kinh tế nhà nước trên thế giới đã tác động tiêu cực đến sự phục hồi kinh tế.

- Rủi ro lãi suất: Đối với một doanh nghiệp, lãi suất cho vay hình thành nên chi phí lãi vay phải trả của doanh nghiệp. Mọi biến động về lãi suất trên thị trường đều ảnh hưởng trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và do đó tác động đến giá trị doanh nghiệp. Trong năm 2022, ngân hàng Nhà nước không nới room tín dụng làm cho việc tiếp cận nguồn vốn càng khó khăn hơn. Lãi suất tiền vay, tỷ giá ngoại tệ tăng liên tục làm cho chi phí kinh doanh xăng dầu tăng mạnh.

- Rủi ro lạm phát: Lạm phát năm 2022 trong tầm kiểm soát. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021. Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, có ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu thì đây là hoạt động thường rất nhạy cảm với lạm phát. Do đó, nếu tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

## **5.2 Rủi ro đặc thù ngành:**

- Rủi ro biến động giá xăng dầu và cơ chế quản lý của Nhà nước: Năm 2022, thị trường xăng dầu biến động phức tạp, có những lúc xăng dầu lên tới trên 150 USD/thùng và biên độ dao động 10 USD/thùng/01 ngày trên thị trường thế giới. Biến động của giá xăng dầu thế giới đã tác động mạnh đến nguồn cung và giá xăng dầu trong nước. Trong năm 2022, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 34 đợt, điều chỉnh tăng 16 lần, giảm 16 lần, trong đó giá xăng A95 giảm 2.590 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 2.580 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 4.030 đồng/lít. Xăng dầu là mặt hàng được Nhà nước quản lý giá, giá cơ sở không phản ánh kịp thời các chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam, từ nhà máy sản xuất về đến cảng; Yếu tố thời tiết cũng ảnh hưởng đến việc vận chuyển xăng dầu từ nguồn nhập khẩu và các nhà máy sản xuất về kho của doanh nghiệp làm chậm nguồn cung ứng xăng dầu, dẫn đến tình trạng khan hiếm nguồn hàng ở một số thời điểm giữa năm 2022.

- Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là một trong những ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty, đây là lĩnh vực kinh doanh có rủi ro cao về cháy nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường và nếu có sự cố xảy ra sẽ tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, để hạn chế và kiểm soát những rủi ro đặc thù này, Tổng Công ty luôn tuân thủ quy định về PCCC, trang

bị đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các kho xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu và địa điểm hoạt động khác theo đúng quy định; tổ chức các khóa học về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường cho nhân viên trực tiếp kinh doanh; tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ ứng phó khi sự cố xảy ra; thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống và ứng phó sự cố tràn dầu; tham gia đầy đủ bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ.

### 5.3 Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn,... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro trên, Tổng Công ty thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật thông tin thị trường và tình hình xăng dầu thế giới, theo dõi, cập nhật các chính sách của Nhà nước để đưa ra những giải pháp kinh doanh phù hợp nhất. Chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại các cửa hàng bán lẻ và kho xăng dầu, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ và định kỳ tổ chức kiểm tra, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho người lao động.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Kết quả kinh doanh hợp nhất
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	25.236.655.055.900	25.508.217.273.383
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	86.922.672.639	68.906.060.559
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.104.860.891	78.996.066.036
4	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	27.037.871.452	35.842.970.325
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.066.989.439	43.153.095.711

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)*

#### Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ đạt được
----------	-------------------	--------------------	----------------

Tổng doanh thu	15.133.600.000.000	25.323.577.728.539	167,33%
Lợi nhuận trước thuế	161.301.000.000	32.104.860.891	19,90%
Lợi nhuận sau thuế	135.041.000.000	5.066.989.439	3,75%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và BCTC công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán)

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế không đạt được theo kế hoạch bởi tác động của nhiều nguyên nhân: Năm 2022, thị trường xăng dầu có nhiều biến động. Nguồn cung xăng dầu trong nước chịu ảnh hưởng từ việc Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đã giảm mạnh công suất sản xuất có thời điểm ngừng sản xuất do sự cố kỹ thuật nên không cung ứng đủ sản lượng xăng dầu cho thị trường như đã cam kết và ký hợp đồng với các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Trong khi đó, nguồn xăng dầu từ nhập khẩu gặp khó khăn do giá tăng mạnh.

Để bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước, Bộ Công thương đã chỉ đạo các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu tăng cường lượng nhập khẩu, đồng thời, ban hành Quyết định số 242/QĐ-BCT ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc phân giao sản lượng nhập khẩu xăng dầu tăng thêm trong Quý II/2022 cho 10 thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu nhằm bổ sung nguồn thiếu hụt từ Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn trong đó có Tổng Công ty Thanh Lễ. Từ cuối tháng 6 đến tháng 9, giá xăng dầu giảm liên tục với biên độ lớn, cụ thể: Xăng RON 95 giá bán lẻ ngày 01/07/2022 từ 32.760 đ/lít, đến ngày 03/10/2022 giá bán lẻ 21.440 đ/lít, giảm 11.320 đ/lít tương đương 34,55%; Dầu DO giá bán lẻ ngày 01/07/2022 là 29.610 đ/lít, đến ngày 03/10/2022 là 22.200 đ/lít, giảm 7.410 đ/lít tương đương 25,03%.

Trong khi đó, nhiều quyết định chính sách Nhà nước không theo kịp diễn biến bất thường của thị trường xăng dầu như: Giá nhập khẩu, chi phí đưa hàng từ nước ngoài về Việt Nam, chi phí kinh doanh... dẫn đến tình trạng các chi phí không được điều chỉnh kịp thời khi tính giá cơ sở, doanh nghiệp nhập hàng về đến cảng đã lỗ, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Trước tình hình khó khăn trên, Tổng Công ty đã bám sát diễn biến thị trường xăng dầu, đề xuất và thực hiện các giải pháp duy trì ổn định và phát triển mạng lưới hệ thống thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý, khách hàng công nghiệp; chủ động cân đối và điều hành tốt nguồn hàng, bù đắp một phần khó khăn trong kinh doanh xăng dầu.

Mặc dù, kết quả kinh doanh không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng Tổng Công ty vẫn đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động và các khoản nộp ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời.

## **2. Tổ chức và nhân sự:**

### **2.1. Danh sách Ban Điều hành:**

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

- Họ và tên: Đoàn Minh Quang
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1957
- Số CCCD: 074057006158
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B49a, Tổ 60, Khu 4, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đá Núi Nhỏ.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 11.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0047% vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

- **Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Phạm Thị Băng Trang

- Giới tính: Nữ

- Sinh năm: 1965

- Số CCCD: 070165006381

- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 109/1 Khu phố Thạnh Lợi, P. An Thạnh, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.

- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Gạch ngói cao cấp.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.
- **Phó Tổng Giám đốc:**
  - Họ và tên: Phạm Thị Kim Thành
  - Giới tính: Nữ
  - Sinh năm: 1974
  - Số CCCD: 074174000492
  - Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
  - Địa chỉ thường trú: 186 Phạm Ngũ Lão, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
  - Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc.
  - Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
  - Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 85.183.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,003% vốn điều lệ, trong đó:
    - Số lượng cổ phần sở hữu: 7.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.
    - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 85.176.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36% vốn điều lệ.
  - Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.
- **Phó Tổng Giám đốc:**
  - Họ và tên: Đặng Văn Đoàn
  - Giới tính: Nam
  - Sinh năm: 1960
  - Số CCCD: 074060005742
  - Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
  - Địa chỉ thường trú: 90/04 Ngô Quyền, P. Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
  - Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
  - Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
  - Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ, trong đó:

➤ Số lượng cổ phần sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ.  
➤ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.  
- Số cổ phần của người có liên quan: 14.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0062% vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Trần Đình Giáp  
- Giới tính: Nam  
- Sinh năm: 1964  
- Số CCCD: 068064000075  
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh  
- Địa chỉ thường trú: Số 7 Lô K Tổ 109 Khu 8, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngân hàng, Cử nhân Hành chính.  
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.  
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Công Trình Đô Thị Bình Dương.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

Ông Trần Đình Giáp không còn đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP kể từ ngày 03/01/2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 03/01/2023.

• **Kế toán trưởng:**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao  
- Giới tính: Nữ  
- Sinh năm: 1984  
- Số CCCD: 074184000425  
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh  
- Địa chỉ thường trú: 289 Thích Quảng Đức, P. Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Kế toán trưởng.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

## **2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:**

Ông Trần Đình Giáp không còn đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP kể từ ngày 03/01/2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 03/01/2023.

## **2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tính đến ngày 10/04/2023, tổng số cán bộ, nhân viên: 475 người; trong đó nữ: 117 người, nam: 358 người.

- Trình độ đại học và trên đại học: 132 người;
- Trình độ cao đẳng: 12 người;
- Trình độ trung cấp, lao động phổ thông: 331 người.

Trong năm 2022, tuy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng Tổng Công ty vẫn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tiền lương, tiền thưởng, mức lương tối thiểu vùng được áp dụng đúng theo quy định của pháp luật, trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ, chi trả kịp thời các khoản tiền lương, tiền thưởng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ người lao động.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

### **3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

Trong năm 2022, công tác đầu tư xây dựng các công trình, dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đã được triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Hoàn thành công trình cải tạo công nghệ nhập, hệ thống tuyến ống nhập, xuất xăng dầu, hệ thống bồn chứa xăng dầu, bảo trì, kiểm tra và đo đạc các thông số của thiết bị phân tích xăng dầu nhằm tăng khả năng xuất hàng nhanh chóng, an toàn, đảm bảo số lượng, chất lượng xăng dầu, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy tại Tổng kho xăng dầu VK 102 – Nhà Bè. Hoàn thành thực hiện đánh giá giám sát phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

- Hoàn thành việc thi công lắp đặt và đưa vào khai thác hệ thống đo lường tự động hóa tại Kho xăng dầu Bình Thắng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm chuẩn hóa quy trình quản lý, giảm chi phí và gia tăng năng suất trong hoạt động sản



xuất kinh doanh.

- Hoàn thành công trình xây dựng mới đường dây trung thế và trạm biến áp 560kVA tại Khu phức hợp Vịnh Đầm, Phú Quốc.

- Hoàn thành và tiếp tục đầu tư xây dựng các cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại các địa bàn trong và ngoài tỉnh để mở rộng thị trường hoạt động.

### **3.2. Các công ty con, công ty liên kết:**

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 06 công ty con, tổng số vốn đầu tư vào các công ty con là 414.557.655.581 đồng; 02 công ty liên kết, tổng số vốn đầu tư vào công ty liên kết là 294.395.744.491 đồng. Các công ty này đang hoạt động bình thường và có hiệu quả.

#### **❖ Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ:**

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng.  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700785510  
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 8.188.380.782 đồng, chiếm 56,84% vốn điều lệ.

#### **❖ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương:**

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
- Vốn điều lệ: 66.088.039.787 đồng.  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700817346  
- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 45.302.676.635 đồng, chiếm 57,97% vốn điều lệ.

#### **❖ Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương:**

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700828316  
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu.  
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 24.000.000.000 đồng, chiếm 80,00% vốn điều lệ.

#### **❖ Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương:**

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng.  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700144108

- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 43.738.905.964 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D:

- Địa chỉ: Tx. Tân Uyên, Bình Dương.

- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702525028

- Ngành nghề kinh doanh chính: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn sản phẩm nhiên liệu.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 15.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistis:

- Địa chỉ: Tp. Thuận An, Bình Dương.

- Vốn điều lệ: 463.879.487.000 đồng

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702395178

- Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 278.327.692.200 đồng, chiếm 60,00% vốn điều lệ.

❖ Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương:

- Địa chỉ: Tx. Phú Giáo, Bình Dương.

- Vốn điều lệ: 106.883.630.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701815415

- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp các loại giống cây trồng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 37.937.734.355 đồng, chiếm 35,02% vốn điều lệ.

❖ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương:

- Địa điểm: Tx. Dĩ An, Bình Dương.

- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529

- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 256.458.010.136 đồng, chiếm 25% vốn điều lệ.

#### **4. Tình hình tài chính:**

##### **4.1. Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng/(giảm)
<b>Kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất</b>			
Tổng giá trị tài sản	8.066.131.986.213	7.926.881.735.469	1,76%
Doanh thu thuần	25.508.217.273.383	11.901.762.423.775	114,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	74.349.193.321	145.476.248.739	(48,89%)
Lợi nhuận khác	4.646.872.715	3.386.539.758	37,22%
Lợi nhuận trước thuế	78.996.066.036	148.862.788.497	(46,93%)
Lợi nhuận sau thuế	43.153.095.711	107.729.448.566	(59,94%)
<b>Kết quả kinh doanh theo BCTC công ty mẹ</b>			
Tổng giá trị tài sản	7.567.518.194.743	7.503.532.801.672	0,85%
Doanh thu thuần	25.236.655.055.900	11.508.521.510.480	119,29%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.631.697.913	136.347.482.497	(79,00%)
Lợi nhuận khác	3.473.162.978	1.746.750.531	98,84%
Lợi nhuận trước thuế	32.104.860.891	138.094.233.028	(76,75%)
Lợi nhuận sau thuế	5.066.989.439	104.261.469.145	(95,14%)

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán)

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. Dựa trên BCTC hợp nhất:</b>			
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	0,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,47
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,66
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,08	1,95
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,70	5,24
Vòng quay tổng tài sản	Lần	3,19	1,54
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,17%	0,91%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,65%	4,01%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,53%	1,36%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,29%	1,22%
<b>II. Dựa trên BCTC công ty mẹ:</b>			
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,08	0,97
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,70	0,47
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,17	2,03
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,91	5,20
Vòng quay tổng tài sản	Lần	3,35	1,57
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,02%	0,91%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,21%	4,20%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,07%	1,39%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,11%	1,18%

(Nguồn: Tính toán theo BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán)

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

#### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 236.600.000 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 2.366.000.000.000 đồng.
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 236.051.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 528.900 cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: 20.100 cổ phần.

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến thời điểm 29/03/2023, Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 02 cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty trở lên với danh sách cụ thể như sau:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% vốn điều lệ
1	UBND Tỉnh Bình Dương	Bình Dương	85.176.000	36,00%

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% vốn điều lệ
2	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	TP.HCM	37.856.000	16,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>123.032.000</b>	<b>52,00%</b>

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại thời điểm 29/03/2023:

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	% vốn điều lệ
1	<b>Cổ đông trong nước:</b>	<b>567</b>		
	- Tổ chức	4	126.551.300	53,49%
	- Cá nhân	563	110.028.600	46,50%
2	<b>Cổ đông nước ngoài:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
3	<b>Cổ phiếu quỹ:</b>	<b>-</b>	<b>20.100</b>	<b>0,01%</b>
<b>Tổng cộng:</b>			<b>236.600.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 20.100 cổ phần.

Trong năm 2022, không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ.

### 5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Với tính chất đặc thù, xăng dầu là loại hàng hóa đặc biệt mang tính chiến lược, gắn với an ninh quốc phòng và đời sống kinh tế xã hội, Tổng Công ty luôn hoạch định các giải pháp an toàn nhằm đáp ứng đủ lượng xăng dầu trong mọi tình huống biến động của thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

Nguồn nguyên vật liệu xăng dầu của Tổng Công ty bao gồm nhập khẩu và mua trong nước. Với hệ thống kho bể lớn tại 03 kho xăng dầu là Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, Tổng kho xăng dầu VK 102 – Nhà Bè và Kho cảng xăng dầu Bình Thắng, Tổng Công ty đảm bảo sản lượng dự trữ theo quy định của pháp luật và đảm bảo cung ứng xăng dầu theo nhu cầu của thị trường.

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã chủ động cân đối nguồn hàng, thực hiện

kế hoạch nhập khẩu cũng như các hợp đồng mua xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước đảm bảo thực hiện đúng theo phân giao của Bộ Công thương đối với tổng nguồn xăng dầu và hạn mức nhập khẩu xăng dầu tối thiểu.

### **6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Do kinh doanh xăng dầu là ngành nghề tiềm ẩn nguy cơ cao về cháy nổ và sự cố môi trường nên Tổng Công ty luôn chú trọng công tác tổ chức huấn luyện, luyện tập phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố tràn dầu đồng thời xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp tại các tổng kho xăng dầu của Tổng Công ty. Đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Vận động, tuyên truyền người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng điện, nước. Thực hiện trồng cây xanh tại các địa điểm kinh doanh và bên ngoài tòa nhà văn phòng để giảm lượng khí phát thải ra môi trường. Giảm thiểu các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, tăng cường thực hiện các giải pháp để cải tạo môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn cho người lao động.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### **6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Số lượng lao động: 475 lao động.

- Thời gian làm việc: 44 giờ/tuần.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

- Tuyển dụng và đào tạo lao động theo quy định về tuyển dụng của Tổng Công ty. Bố trí công tác phù hợp với chuyên môn người lao động. Tất cả người lao động đều được ký hợp đồng lao động.

- Hoạt động đào tạo người lao động: Thường xuyên cử người lao động tham gia các lớp tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, các chương trình phát triển kỹ năng để hỗ trợ người lao động phát triển công việc và quy hoạch đội ngũ cán bộ kế thừa.

- Chính sách tiền lương, tiền thưởng đảm bảo công bằng lao động, phù hợp với vị trí, chức năng và lĩnh vực công tác, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Chế độ làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau.. được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động.

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động phù hợp với tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Người lao động làm việc trực tiếp tại các kho cảng xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu đều được mua bảo hiểm tai nạn.

- Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức các đợt tham quan du lịch cho người lao động. Đồng thời cũng tổ chức thăm viếng, hỗ trợ chi phí kịp thời khi người lao động gặp trường hợp khó khăn, gia đình có hũu sự.

#### **6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Tổng Công ty đã đầu tư thực hiện, lắp đặt các đường ống công nghệ tại các cửa hàng xăng dầu và kho cảng xăng dầu theo đúng tiêu chuẩn an toàn và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, thực hiện xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Để phát huy truyền thống văn hóa dân tộc “Uống nước nhớ nguồn”, “Tương thân tương ái” và hướng đến sự phát triển bền vững, trong năm 2022 Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP tiếp tục thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ chăm lo các gia đình chính sách, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng tại địa phương và tham gia các hoạt động từ thiện xã hội khác do địa phương phát động.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Kết quả kinh doanh hợp nhất
1	Doanh thu thuần	25.236.655.055.900	25.508.217.273.383
2	Doanh thu hoạt động tài chính	80.185.286.236	59.562.145.537
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.104.860.891	78.996.066.036
4	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	27.037.871.452	35.842.970.325
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.066.989.439	43.153.095.711

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)*

Trong hoàn cảnh nhiều khó khăn thử thách của thị trường xăng dầu năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng đến công tác quản trị, chủ động thích nghi hoàn cảnh, thực hiện những giải pháp kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khó khăn của tình hình kinh doanh xăng dầu trong năm 2022, đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật và duy trì sự phát triển ổn định của Tổng Công ty.

#### **2. Tình hình tài chính:**

## 2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
<b>I. Theo BCTC hợp nhất:</b>				
1	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>5.278.616</b>	<b>4.520.406</b>	<b>16,77%</b>
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.159.130	671.416	72,64%
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.198	5.570	47,18%
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.130.228	1.528.351	39,38%
5	Hàng tồn kho	1.944.111	2.298.803	(15,43%)
6	Tài sản ngắn hạn khác	36.950	16.266	127,16%
7	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.787.516</b>	<b>3.406.475</b>	<b>(18,17%)</b>
8	Các khoản phải thu dài hạn	40.176	42.143	(4,67%)
9	Tài sản cố định	1.583.523	1.540.452	2,80%
10	Bất động sản đầu tư	177.804	178.698	(0,50%)
11	Tài sản dở dang dài hạn	625.294	1.290.580	(51,55%)
12	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	333.480	324.546	2,75%
13	Tài sản dài hạn khác	27.238	30.058	(9,38%)
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>8.066.132</b>	<b>7.926.882</b>	<b>1,76%</b>
<b>II. Theo BCTC công ty mẹ:</b>				
1	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>5.242.663</b>	<b>4.415.632</b>	<b>18,73%</b>
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.091.924	567.217	92,51%
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000	3.000	0,00%
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.292.354	1.558.840	47,06%
5	Hàng tồn kho	1.849.871	2.284.078	(19,01%)
6	Tài sản ngắn hạn khác	5.515	2.498	120,78%
7	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.324.855</b>	<b>3.087.900</b>	<b>(24,71%)</b>
8	Các khoản phải thu dài hạn	40.172	42.139	(4,67%)
9	Tài sản cố định	1.006.106	987.210	1,91%
10	Bất động sản đầu tư	175.628	175.882	(0,14%)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
11	Tài sản dở dang dài hạn	380.106	1.156.648	(67,14%)
12	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	708.953	708.953	0,00%
13	Tài sản dài hạn khác	13.890	17.068	(18,62%)
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>7.567.518</b>	<b>7.503.533</b>	<b>0,85%</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán)

## 2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
<b>I. Theo BCTC hợp nhất:</b>			
<b>Nợ phải trả</b>	<b>5.443.784</b>	<b>5.237.483</b>	<b>3,94%</b>
Nợ ngắn hạn	5.091.640	4.755.052	7,08%
Nợ dài hạn	352.143	482.431	(27,01%)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.622.348</b>	<b>2.689.399</b>	<b>(2,49%)</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>8.066.132</b>	<b>7.926.882</b>	<b>1,76%</b>
<b>II. Theo BCTC công ty mẹ:</b>			
<b>Nợ phải trả</b>	<b>5.181.290</b>	<b>5.023.323</b>	<b>3,14%</b>
Nợ ngắn hạn	4.832.514	4.545.690	6,31%
Nợ dài hạn	348.775	477.633	(26,98%)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.386.228</b>	<b>2.480.210</b>	<b>(3,79%)</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>7.567.518</b>	<b>7.503.533</b>	<b>0,85%</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán)

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu: Trong bối cảnh nhiều khó khăn của nền kinh tế, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát diễn biến thị trường xăng dầu thế giới, thực hiện các giải pháp duy trì ổn định và phát triển mạng lưới hệ thống thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý, khách hàng công nghiệp; chủ động cân đối và điều hành tốt nguồn hàng, bù đắp một phần khó khăn trong kinh doanh xăng dầu.

- Hoạt động tài chính: Tình hình tài chính của Tổng Công ty lành mạnh, khả năng thanh toán nợ được đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Công

tác kế toán được tổ chức phù hợp theo đúng với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Công tác quyết toán tài chính luôn được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ. Tổ chức thực hiện kiểm toán cuối năm đúng quy định, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

- Hoạt động đầu tư: Đầu tư khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Thực hiện cải tạo cơ sở vật chất, hệ thống tuyến ống nhập, xuất, bồn chứa xăng dầu, thiết bị phân tích xăng dầu tại các tổng kho xăng dầu. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng giám sát chặt chẽ các công trình đã hoàn thành, thường xuyên duy tu, bảo dưỡng định kỳ nhằm khai thác tối đa công suất và mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

- Quản lý nhân sự: Thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ, bổ nhiệm các chức danh quản lý nhằm tăng cường công tác lãnh đạo và thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp. Triển khai mô hình quản trị, điều hành chuyên nghiệp, bố trí, sắp xếp nhân sự hợp lý.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Bước sang năm 2023, nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức, dự báo giá dầu thô thế giới sẽ còn nhiều biến động, tình hình kinh doanh xăng dầu trong nước vẫn còn nhiều khó khăn. Tổng Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, bảo toàn nguồn vốn, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước, chăm lo đời sống người lao động, đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo dự trữ hàng hóa theo quy định phục vụ nhu cầu khách hàng và lưu thông.

##### **• Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:**

- Tổng doanh thu	:	22.617.704	triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	266.420	triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	219.136	triệu đồng
- Chia cổ tức 6,7% (Chiếm 72,7% LNST)	:	159.312	triệu đồng

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty:**

Không có.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty:**

Trải qua một năm với nhiều khó khăn, thách thức, các yếu tố rủi ro gia tăng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống, sự chỉ đạo thống nhất của Hội đồng quản trị, sự

quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực của toàn thể người lao động đã giúp Tổng Công ty chủ động thích nghi hoàn cảnh, vượt qua khó khăn.

Mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Tổng Công ty được duy trì ổn định và ngày một mở rộng. Hệ thống thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý xăng dầu hoạt động hiệu quả đem lại nguồn doanh thu lớn. Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Tổng Công ty tại các địa bàn trọng điểm đóng vai trò chủ lực đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu sử dụng xăng dầu cho người tiêu dùng trên đường bộ và đường thủy, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt xăng dầu trên thị trường.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ đạt được
Tổng doanh thu	15.133.600.000.000	25.323.577.728.539	167,33%
Lợi nhuận trước thuế	161.301.000.000	32.104.860.891	19,90%
Lợi nhuận sau thuế	135.041.000.000	5.066.989.439	3,75%

*(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và BCTC công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán)*

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, xem xét hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời giải quyết những phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, đề ra những chủ trương, định hướng và giải pháp điều chỉnh phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và kiểm tra Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, năm và các báo cáo khác, đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty đều tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Thông qua công tác giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Trong điều kiện kinh doanh khó khăn của năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyết liệt chỉ đạo trong công tác điều hành, quản lý, có nhiều giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, tiết giảm tối đa chi phí kinh doanh, hạn chế các thiệt hại, rủi ro, phù hợp với diễn biến nhiều biến động của thị trường xăng dầu.

- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ

tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ đảm bảo an toàn cho tất cả hoạt động của Tổng Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, duy trì chế độ báo cáo cho Hội đồng quản trị về kết quả kinh doanh và tham gia ý kiến đề xuất với Hội đồng quản trị những giải pháp thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kinh doanh của Tổng Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận liên quan chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, tìm hiểu nhu cầu thị trường, mở rộng đối tượng khách hàng mới, tăng sức cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường.

- Các mặt hoạt động của Tổng Công ty được Ban Tổng Giám đốc đặc biệt chú trọng là công tác đầu tư, quản lý chặt chẽ công nợ, đảm bảo an toàn tài chính và lợi ích hợp pháp của tất cả các cổ đông.

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong việc điều hành hoạt động hằng ngày của Tổng Công ty, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ đạo công tác đầu tư, công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính và các công việc khác theo thẩm quyền.

Nhìn chung trong năm 2022, dù gặp rất nhiều thử thách đến từ các tác nhân kinh tế - xã hội bên ngoài và những khó khăn đặc thù của ngành nghề kinh doanh xăng dầu nhưng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao kết quả điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

#### **3.1 Các chỉ tiêu hoạt động năm 2023:**

Căn cứ thực tế phát sinh năm 2022 và diễn biến tình hình kinh tế xã hội Quý 01 năm 2023, Tổng Công ty đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

- Tổng doanh thu năm 2023 : 22.617.704 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 266.420 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 219.136 triệu đồng

#### **3.2 Một số nhiệm vụ trọng điểm của Hội đồng quản trị:**

- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển bền vững. Chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, nâng cao tính hiệu quả đặc biệt trên phương diện an toàn thông tin, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ.

- Chú trọng đến công tác quản trị, ban hành các chính sách, quyết định kịp

thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện trên các lĩnh vực: Đầu tư cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải sông, biển; cảng xăng dầu; đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, sản xuất vật liệu xây dựng...

- Chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối trong quá trình sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm tra giám sát an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác an ninh, an toàn tại các tổng kho xăng dầu và cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Bám sát tình hình thực tế hoạt động, diễn biến giá dầu thế giới để dự báo, xây dựng chương trình hoạt động linh hoạt, thích hợp với biến động của thị trường. Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đề ra. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo toàn nguồn vốn.

- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng Công ty, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

- Giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đầu tư mở rộng và phát triển cửa hàng xăng dầu phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Tổng Công ty.

- Giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty đạt mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Đoàn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	074057006158	Bình Dương	2.100	0,0009%	
	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương		3701815415	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP		3700148529	Bình	0	0	Ông

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNDKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Vật liệu và Xây dựng Bình Dương			Dương			Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Đá Núi Nhỏ		3700762471	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Thị Băng Trang	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	070165006381	Bình Dương	3.200	0,0014%	
	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương		3701815415	Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương		3700148529	Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Trưởng ban

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
							kiểm soát
	Công ty Gạch ngói cao cấp			Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Thành viên HĐQT
3	Phạm Thị Kim Thành	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	074174000492	Bình Dương	7.100	0,0030%	
	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương				85.176.000	36,00%	Bà Phạm Thị Kim Thành là người đại diện vốn
4	Lê Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành	001068000291	Hà Nội	11.724.000	4,96%	
	Cty CP XD và DV Hàng hải		0303235586	TP. Hồ Chí Minh	0	0	Ông Lê Trọng Hiếu là

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNDKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	S.T.S						Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	024150427	TP. Hồ Chí Minh	0	0	
6	Lê Văn Tám		131337170	Phú Thọ	0	0	Đến ngày 15/05/2022 miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ
7	Ông Nguyễn Xuân Hòa		021557443	TP. Hồ Chí Minh	0	0	Đến ngày 15/05/2022 miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ

**1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, kịp thời với tinh thần trách nhiệm cao để bám sát tình hình thực tế hoạt động của Tổng Công ty và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Hội đồng quản trị đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty trên cơ sở xem xét các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.



- Công tác tổ chức: Trong năm qua, Hội đồng quản trị thực hiện công tác quản trị theo đúng Điều lệ và cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu, lãnh đạo của các cán bộ quản lý, thực hiện các báo cáo, công bố thông tin của công ty đại chúng theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán,...

- Công tác điều hành: Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức 08 phiên họp và ban hành 14 nghị quyết về các vấn đề:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	09/03/2022	Thông qua các hợp đồng và giao dịch nội bộ	100%
2	02/NQ-HĐQT	09/03/2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
3	03/NQ-HĐQT	09/03/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	100%
4	04/NQ-HĐQT	25/03/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	100%
5	05/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông qua việc dời thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
6	06/NQ-HĐQT	25/04/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100%
7	07/NQ-HĐQT	15/05/2022	Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027	100%
8	08/NQ-HĐQT	15/05/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100%
9	09/NQ-HĐQT	15/05/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	100%
10	10/NQ-HĐQT	06/06/2022	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	100%
11	12/NQ-HĐQT	11/07/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	100%

12	13/NQ-HĐQT	11/07/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn	100%
13	14/NQ-HĐQT	13/10/2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền	100%
14	15/NQ-HĐQT	13/10/2022	Thông qua việc giao dịch với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	100%

## 2. Ban Kiểm soát:

### 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	074164001086	Bình Dương	2.000	0,0008%	
2	Bà Bùi Thị Kim Khoa	Thành viên Ban Kiểm soát	074185009166	Bình Phước	0	0	
3	Ông Lê Tuấn Vũ	Thành viên Ban Kiểm soát	036080000654	Hà Nội	0	0	
4	Nguyễn Thúy Hằng		280018076	Bình Dương	1.700	0,0007%	Đến ngày 15/05/2022 miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ

### 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên, thực hiện nhiệm vụ giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Tổng Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện những công tác sau:

- Tổ chức 04 cuộc họp của Ban kiểm soát để giám sát, xem xét, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản trị điều hành và tình hình kế toán, tài chính của Tổng Công ty.

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Tham dự các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho công tác giám sát.

- Xem xét các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong năm 2022, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực trong việc lập báo cáo tài chính và thẩm định tính hệ thống, nhất quán, phù hợp của công tác kế toán, thống kê, tài chính của Tổng Công ty. Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- Xem xét tính pháp lý, tính phù hợp của trình tự, thủ tục ban hành và việc triển khai thực hiện các văn bản nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin của công ty đại chúng tuân thủ các quy định của pháp luật chứng khoán để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động và chế độ chính sách đối với người lao động.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2022:**

#### **3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022: Quỹ thù lao, thưởng năm 2021 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành Tổng Công ty là 3 tỷ 232 triệu đồng. Thực tế chi trả 3 tỷ 102 triệu đồng. Thù lao, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2022 chưa chi.

#### **3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Không có.

#### **3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)
1	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Người có liên quan	3700817346	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022 về việc thông qua các hợp đồng và giao dịch nội bộ.
2	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Người có liên quan	3700828316	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022
3	Công ty CP SXKD Thanh Lễ	Người có liên quan	3700785510	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022
4	Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Người có liên quan	3702525028	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022
5	Công ty CP VL&XD Bình Dương	Người có liên quan	3700148529	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022
6	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Người có liên quan	3701815415	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022
7	Công ty CP XD & DV Hàng hải S.T.S	Người có liên quan của người nội bộ	0303235586	Bình Dương	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022
8	Công ty TNHH Hải Linh	Người có liên quan của người nội bộ	2600261303	Phú Thọ	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2022

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

**1. Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP. Báo cáo được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2022 đã được công bố trên trang thông tin điện tử thalexim.vn của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KT.

**TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Đoàn Minh Quang**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2022**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP**  
*Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán</b>	
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2022	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2022	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022	12 - 61

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 của Tổng Công ty.

### **KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 8 năm 2020 để thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung Người đại diện theo pháp luật.

**Vốn điều lệ** : 2.366.000.000.000 Đồng  
**Vốn pháp định** : 6.000.000.000 Đồng  
**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

### **Tổ chức hoạt động kinh doanh**

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

**\* Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : [www.thalexim.vn](http://www.thalexim.vn)
- E-mail : [contact@thalexim.vn](mailto:contact@thalexim.vn)
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

**\* Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**



# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

### *Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)*

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HDQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Thành viên HDQT
3. Bà Phạm Thị Kim Thành Thành viên HDQT
4. Ông Lê Trọng Hiếu Thành viên HDQT không điều hành
5. Ông Nguyễn Tiến Dũng Thành viên HDQT không điều hành

### *Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)*

1. Bà Nguyễn Thị Khánh Hà Trưởng ban
2. Bà Bùi Thị Kim Khoa Thành viên
3. Ông Lê Tuấn Vũ Thành viên

### *Ban Tổng Giám đốc (Nhiệm kỳ 2023 - 2028)*

1. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc
2. Bà Phạm Thị Kim Thành Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Đặng Văn Đoàn Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Trần Đình Giáp Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/01/2023)

### *Kế toán trưởng*

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

### *Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty*

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HDQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 của Tổng Công ty.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 07 đến trang 61.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số: 3006.01.08/2023/BCTC-NVT3

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 61, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính

thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**



---

**Phó Tổng Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước**

*Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số : 1762-2023-124-1*

---

**Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa**

*Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4705-2019-124-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.278.616.435.857</b>	<b>4.520.406.433.108</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>1.159.129.923.255</b>	<b>671.416.381.450</b>
111	1. Tiền		732.934.923.255	611.453.381.450
112	2. Các khoản tương đương tiền		426.195.000.000	59.963.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>8.198.000.000</b>	<b>5.570.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	8.198.000.000	5.570.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.130.227.657.508</b>	<b>1.528.350.880.122</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.951.233.600.303	1.333.871.577.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	23.257.192.187	27.310.830.999
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	22.600.000.000	22.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	140.286.279.485	151.856.960.494
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(7.149.414.467)	(7.288.488.467)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.944.110.851.997</b>	<b>2.298.803.315.489</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	1.944.110.851.997	2.298.803.315.489
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>36.950.003.097</b>	<b>16.265.856.047</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	6.335.941.443	3.346.381.742
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	30.398.509.914	12.388.283.952
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	215.551.740	531.190.353
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.787.515.550.356</b>	<b>3.406.475.302.361</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>40.175.617.420</b>	<b>42.142.867.420</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	3.789.171.680	3.789.171.680
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	14.187.195.740	14.187.195.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	22.199.250.000	24.166.500.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.583.523.374.269</b>	<b>1.540.451.785.999</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	1.246.828.154.185	1.220.164.312.984
222	- Nguyên giá		2.269.033.626.290	2.167.589.806.575
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.022.205.472.105)	(947.425.493.591)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	336.695.220.084	320.287.473.015
228	- Nguyên giá		429.936.846.604	407.275.391.083
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93.241.626.520)	(86.987.918.068)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.17	<b>177.804.494.834</b>	<b>178.697.573.626</b>
231	- Nguyên giá		223.372.781.912	221.482.579.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.568.287.078)	(42.785.006.186)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>625.294.478.648</b>	<b>1.290.579.785.609</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.18	51.513.141.205	49.750.941.090
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	573.781.337.443	1.240.828.844.519
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>333.479.821.661</b>	<b>324.545.542.636</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.20	333.479.821.661	324.545.542.636
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.237.763.524</b>	<b>30.057.747.071</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.21	27.237.763.524	30.057.747.071
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.066.131.986.213</b>	<b>7.926.881.735.469</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.443.783.718.597</b>	<b>5.237.483.045.625</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.091.640.362.328</b>	<b>4.755.051.985.360</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.22	1.812.778.397.292	936.421.882.888
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.23	80.204.475.808	453.341.059.175
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.24	222.680.177.934	349.273.934.769
314	4. Phải trả người lao động		24.023.674.578	13.581.748.017
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.25	5.283.006.610	4.011.756.141
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.26	1.302.448.046.800	307.036.614.100
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	1.317.949.702.728	2.661.344.089.588
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	56.992.232.280	48.264.450.669
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.29	269.280.648.298	(18.223.549.987)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>352.143.356.269</b>	<b>482.431.060.265</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.30	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.31	4.500.000.000	4.500.000.000
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.32	255.809.235.875	267.961.480.883
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.33	29.512.320.394	26.190.418.947
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.34	40.297.600.000	161.754.960.435
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.622.348.267.616</b>	<b>2.689.398.689.844</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.35	<b>2.622.348.267.616</b>	<b>2.689.398.689.844</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.35.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.35.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.35.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.35.4	15.504.298.185	10.291.224.728
421	5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.35.5	42.289.145.822	114.785.006.276
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		14.098.039.780	20.069.877.129
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		28.191.106.042	94.715.129.147
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.35.6	224.041.047.203	223.808.682.434
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.066.131.986.213</b>	<b>7.926.881.735.469</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.508.217.273.383	11.904.520.095.837
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	2.757.672.062
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.36	25.508.217.273.383	11.901.762.423.775
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.37	24.815.835.544.246	11.287.075.562.249
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		692.381.729.137	614.686.861.526
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.38	59.562.145.537	28.487.412.482
22	7. Chi phí tài chính	VI.39	244.788.558.249	160.644.355.922
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		141.565.021.871	150.528.572.940
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.40	24.102.594.558	(4.310.848.596)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.41	356.584.020.953	244.149.304.569
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.42	100.324.696.709	88.593.516.182
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		74.349.193.321	145.476.248.739
31	12. Thu nhập khác	VI.43	9.343.915.022	6.655.867.753
32	13. Chi phí khác	VI.44	4.697.042.307	3.269.327.995
40	14. Lợi nhuận khác		4.646.872.715	3.386.539.758
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		78.996.066.036	148.862.788.497
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.45	35.842.970.325	41.133.339.931
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		43.153.095.711	107.729.448.566
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		34.726.645.426	101.243.961.133
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.46	8.426.450.285	6.485.487.433
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.47	93	321
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		93	321

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>78.996.066.036</b>	<b>148.862.788.497</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.15;16; 17	89.250.655.675	99.107.222.071
03	- Các khoản dự phòng	VI.42	(139.074.000)	(3.807.305.195)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.758.401	278.096
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(37.296.303.523)	(317.416.318.512)
06	- Chi phí lãi vay	VI.39	141.565.021.871	150.528.572.940
07	- Các khoản điều chỉnh khác		288.621.303.529	(236.114.605.070)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>561.004.427.989</b>	<b>(158.839.367.173)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.025.713.799.735)	141.544.480.415
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		352.930.263.377	(307.402.586.616)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.204.366.682.297	469.584.851.670
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(169.576.154)	(12.791.417.690)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(140.871.666.794)	(151.115.442.531)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.24	(33.385.360.277)	(28.595.056.778)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.020.363.515	126.953.987.294
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.655.567.361)	(18.257.030.204)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.906.525.766.857</b>	<b>61.082.418.387</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(308.646.200.852)	(219.602.334.159)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		427.346.749.000	865.706.450.330
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.198.000.000)	(3.804.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.570.000.000	2.654.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.782.810.267	5.639.520.432
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>147.855.358.415</b>	<b>650.593.636.603</b>





ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		15.835.117.758.188	12.606.352.138.387
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(17.313.183.954.514)	(13.118.072.231.782)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(88.594.628.740)	(18.489.177.275)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.566.660.825.066)</b>	<b>(530.209.270.670)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>487.720.300.206</b>	<b>181.466.784.320</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>671.416.381.450</b>	<b>489.949.875.226</b>
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.758.401)	(278.096)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>1.159.129.923.255</b>	<b>671.416.381.450</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thụy Thảo Trân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Cho niên độ kế toán 2022**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2022 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

**Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

**Ngành nghề kinh doanh** :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc chung của Tổng Công ty**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

## ❖ Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:

	<b>Tên đơn vị kinh doanh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh</b>
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
7.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
8.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10.	Kho cảng Xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
11.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
12.	Hệ thống 19 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương và Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
13.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh vật liệu xây dựng

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư của TCT vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	278.327.692.200	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
<b>Công ty liên kết</b>				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2022 như sau:**

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	278.327.692.200	-	278.327.692.200	463.879.487.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
<b>Cộng</b>	<b>414.557.655.581</b>	<b>25.242.423.594</b>	<b>389.315.231.987</b>		

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

#### **Hình thức sổ kế toán**

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

---

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

### 6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

#### 6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
- Tài sản cố định khác	05 – 10

### 6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSĐĐ) có thời hạn, QSĐĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSĐĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSĐĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSĐĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSĐĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

<u>Nhóm Tài sản cố định vô hình</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10

### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

<u>Nhóm Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 9. Các khoản đầu tư tài chính

#### ❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ❖ *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

### 10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

### 11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.

Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.

Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

### 12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 14. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### 15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.

Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### ❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

### ❖ *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### ❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### ❖ *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### ❖ *Lợi ích cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

## 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

### ❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

---

- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

### ❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

### 20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán (mẫu số).

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – **Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

	<b>ĐVT: Đồng</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	23.326.676.052	21.923.138.069
- Tiền gửi ngân hàng (*)	709.608.247.203	589.495.485.532
- Tiền đang chuyển	-	34.757.849
- Các khoản tương đương tiền (**)	426.195.000.000	59.963.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.159.129.923.255</b>	<b>671.416.381.450</b>
(*) Trong đó Tiền gửi	<i>USD 36,289.02</i>	<i>USD 767.69</i>
(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng TMCP.		
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>8.198.000.000</b>	<b>5.570.000.000</b>
Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng TMCP.		
Trong đó, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là <b>3.998.000.000 đồng</b> đang được thế chấp cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương để đảm bảo nợ vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD và số 11/2019/HĐTD (tham chiếu Thuyết minh số V.27 và V.34).		
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.350.679.685.181	968.780.105.855
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	333.398.679.243	167.548.623.275
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	267.155.235.879	197.542.847.966
<b>Cộng</b>	<b>1.951.233.600.303</b>	<b>1.333.871.577.096</b>
<i>Trong đó số dư với Bên liên quan:</i>		
+ Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S	1.208.805.740	-
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	9.360.000	320.523.257



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	641.692.884	208.830.408
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	17.384.496.306	21.548.750.452
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	5.231.002.997	5.553.250.139
<b>Cộng</b>	<b>23.257.192.187</b>	<b>27.310.830.999</b>

**5. Phải thu cho vay ngắn hạn**

22.600.000.000

22.600.000.000

Khoản tiền cho Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (là Bên liên quan) vay ngắn hạn, lãi suất 9%/năm.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	22.296.182.571	56.105.387.042
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ	16.575.669.865	-
- Tạm ứng	93.838.919.650	93.375.412.261
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.002.700.000	60.000.000
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.682.415.536	79.539.743
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD (*)	-	37.887.121
- Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (*)	-	512.679.476
- Các đối tượng khác	2.890.391.863	1.686.054.851
<b>Cộng</b>	<b>140.286.279.485</b>	<b>151.856.960.494</b>

(\*) Là Bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH XD và Thương mại DAT	1.300.714.089	(1.300.714.089)	1.350.714.089	(1.350.714.089)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	261.852.000	(130.926.000)
- Ông Thái Tấn Phát	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
<b>Cộng</b>	<b>7.234.471.258</b>	<b>(7.149.414.467)</b>	<b>7.504.471.258</b>	<b>(7.288.488.467)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	166.301.926.947	358.008.925.555
- Nguyên liệu, vật liệu	89.645.843.771	221.253.448.784
- Công cụ, dụng cụ	1.517.369.478	1.025.071.020
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.176.150.000	-
- Thành phẩm Xăng Dầu	10.734.549.544	45.103.364.691
- Thành phẩm Bất động sản	543.994.148.786	543.167.263.904
- Thành phẩm khác	20.094.237	21.235.969
- Hàng hoá Xăng Dầu, hàng hóa khác	941.341.407.547	1.094.176.212.539
- Hàng hoá Bất động sản	189.379.361.687	36.047.793.027
<b>Cộng</b>	<b>1.944.110.851.997</b>	<b>2.298.803.315.489</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	919.253.179	2.268.603.971	(2.161.433.044)	1.026.424.106
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	2.427.128.563	30.443.539.419	(27.561.150.645)	5.309.517.337
<b>Cộng</b>	<b>3.346.381.742</b>	<b>32.712.143.390</b>	<b>(29.722.583.689)</b>	<b>6.335.941.443</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>10. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>30.398.509.914</b>	<b>12.388.283.952</b>

Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.

**11. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	215.551.740	221.084.871
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	310.105.482
<b>Cộng</b>	<b>215.551.740</b>	<b>531.190.353</b>

<b>12. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>3.789.171.680</b>	<b>3.789.171.680</b>
--	----------------------	----------------------

Phải thu dài hạn của các khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản.

<b>13. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>14.187.195.740</b>	<b>14.187.195.740</b>
--	-----------------------	-----------------------

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

**14. Phải thu dài hạn khác**

- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Nha Bích	1.967.250.000	3.934.500.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu	228.000.000	228.000.000
- Các đối tượng khác	4.000.000	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.199.250.000</b>	<b>24.166.500.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**15. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu năm		1.550.177.699.215	192.162.292.485	415.846.043.892	6.182.218.980	3.221.552.003	2.167.589.806.575
Tăng trong năm		18.264.953.463	65.965.662.046	31.918.975.136	285.930.000	-	116.435.520.645
Thanh lý, nhượng bán		(7.372.463.281)	(5.150.270.042)	(2.108.934.216)	-	-	(14.631.667.539)
Chuyển sang XDCB		(327.853.705)	(32.179.686)	-	-	-	(360.033.391)
Số cuối năm		<b>1.560.742.335.692</b>	<b>252.945.504.803</b>	<b>445.656.084.812</b>	<b>6.468.148.980</b>	<b>3.221.552.003</b>	<b>2.269.033.626.290</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>							
Số đầu năm		600.771.605.727	101.928.678.155	237.266.727.133	4.813.250.422	2.645.232.154	947.425.493.591
Khấu hao trong năm		34.674.622.517	15.533.035.997	29.061.259.923	315.599.019	100.364.604	79.684.882.060
Thanh lý, nhượng bán		(2.026.753.421)	(1.235.017.432)	(1.643.132.693)	-	-	(4.904.903.546)
Số cuối năm		<b>633.419.474.823</b>	<b>116.226.696.720</b>	<b>264.684.854.363</b>	<b>5.128.849.441</b>	<b>2.745.596.758</b>	<b>1.022.205.472.105</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm		949.406.093.488	90.233.614.330	178.579.316.759	1.368.968.558	576.319.849	1.220.164.312.984
Số cuối năm		<b>927.322.860.869</b>	<b>136.718.808.083</b>	<b>180.971.230.449</b>	<b>1.339.299.539</b>	<b>475.955.245</b>	<b>1.246.828.154.185</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng</b>							
Số đầu năm		14.097.711.165	17.126.109.461	51.542.685.170	1.504.019.486	1.738.604.003	86.009.129.285
Số cuối năm		17.209.263.214	28.561.447.580	75.821.317.098	1.608.467.217	1.738.604.003	<b>124.939.099.112</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**16. Tài sản cố định vô hình**

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất [a]</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Giấy phép và GP nhượng quyền [b]</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Chỉ tiêu</b>				
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	406.107.769.264	849.440.000	318.181.819	407.275.391.083
Mua trong năm	33.524.854.163	-	-	33.524.854.163
Thanh lý, nhượng bán	(10.863.398.642)	-	-	(10.863.398.642)
Số cuối năm	<b>428.769.224.785</b>	<b>849.440.000</b>	<b>318.181.819</b>	<b>429.936.846.604</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	86.619.570.739	137.666.676	230.680.653	86.987.918.068
Khấu hao trong năm	6.575.804.772	174.869.339	31.818.612	6.782.492.723
Thanh lý, nhượng bán	(528.784.271)	-	-	(528.784.271)
Số cuối năm	<b>92.666.591.240</b>	<b>312.536.015</b>	<b>262.499.265</b>	<b>93.241.626.520</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	319.488.198.525	711.773.324	87.501.166	320.287.473.015
Số cuối năm	<b>336.102.633.545</b>	<b>536.903.985</b>	<b>55.682.554</b>	<b>336.695.220.084</b>

- [a] Là Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**17. Bất động sản đầu tư**

<b>Nhóm BDS</b>	<b>Quyền sử dụng đất [a]</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương</b>	<b>Nhà xưởng và văn phòng cho thuê</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Chỉ tiêu</b>					
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	155.738.416.055	20.596.562.976	31.620.064.521	13.527.536.260	221.482.579.812
Tăng trong năm	-	1.890.202.100	-	-	1.890.202.100
Số cuối năm	<b>155.738.416.055</b>	<b>22.486.765.076</b>	<b>31.620.064.521</b>	<b>13.527.536.260</b>	<b>223.372.781.912</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	19.662.552.021	6.576.668.527	5.833.897.684	10.711.887.954	42.785.006.186
Khấu hao trong năm	523.021.476	439.719.587	1.181.045.808	639.494.021	2.783.280.892
Số cuối năm	<b>20.185.573.497</b>	<b>7.016.388.114</b>	<b>7.014.943.492</b>	<b>11.351.381.975</b>	<b>45.568.287.078</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	136.075.864.034	14.019.894.449	25.786.166.837	2.815.648.306	178.697.573.626
Số cuối năm	<b>135.552.842.558</b>	<b>15.470.376.962</b>	<b>24.605.121.029</b>	<b>2.176.154.285</b>	<b>177.804.494.834</b>

**[a] Bao gồm:**

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Diện tích đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán là 6.786,70 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

- [b]** Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.799.679.073
- Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	16.093.192.278	14.443.361.514
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	11.231.353.569	11.231.353.569
- Khu Dân cư An Sơn	4.345.653.557	4.276.546.934
<b>Cộng</b>	<b>51.513.141.205</b>	<b>49.750.941.090</b>

**19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Kho xăng dầu Phú Quốc	170.700.838.971	168.283.200.046
- Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	41.098.746.977	44.686.640.349
- Khu Nha Bích	-	572.863.838.934
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	6.365.739.869	22.071.583.966
- Khu Kho cảng An Sơn	236.808.673.084	125.688.861.775
- Các công trình, dự án khác	118.807.338.542	307.234.719.449
<b>Cộng</b>	<b>573.781.337.443</b>	<b>1.240.828.844.519</b>

**20. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

20.1 Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	281.012.788.833	275.437.971.117
20.2 Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	52.467.032.828	49.107.571.519
<b>Cộng</b>	<b>333.479.821.661</b>	<b>324.545.542.636</b>

20.1 Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

20.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
<b>Giá gốc khoản đầu tư</b>	<b>256.458.010.136</b>	<b>37.937.734.355</b>	<b>294.395.744.491</b>
<b>Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư</b>			
- Số đầu năm	18.979.960.981	11.169.837.164	30.149.798.145
- Lợi nhuận trong năm	17.259.352.800	6.843.241.758	24.102.594.558
- Phân phối lợi nhuận trong năm	(11.684.535.084)	(3.483.780.449)	(15.168.315.533)
+ <i>Nhận cổ tức</i>	<i>(14.250.000.000)</i>	<i>(4.490.585.044)</i>	<i>(18.740.585.044)</i>
+ <i>Trích quỹ KTPL</i>	<i>(596.541.421)</i>	<i>(518.752.318)</i>	<i>(1.115.293.739)</i>
+ <i>Điều chỉnh khác</i>	<i>3.162.006.337</i>	<i>1.525.556.913</i>	<i>4.687.563.250</i>
- Số cuối năm	<b>24.554.778.697</b>	<b>14.529.298.473</b>	<b>39.084.077.170</b>
<b>Giá trị khoản đầu tư liên kết</b>			
- Số đầu năm	<b>275.437.971.117</b>	<b>49.107.571.519</b>	<b>324.545.542.636</b>
- Số cuối năm	<b>281.012.788.833</b>	<b>52.467.032.828</b>	<b>333.479.821.661</b>

**21. Chi phí trả trước dài hạn**

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	16.830.618.466	10.136.827.307	(10.983.298.605)	15.984.147.168
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	1.987.619.233	(397.523.845)	1.590.095.388
- Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	13.227.128.605	1.224.957.611	(4.788.565.248)	9.663.520.968
<b>Cộng</b>	<b>30.057.747.071</b>	<b>13.349.404.151</b>	<b>(16.169.387.698)</b>	<b>27.237.763.524</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**22. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.723.328.061.118	865.898.773.196
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	2.770.122.399	3.934.314.581
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	86.680.213.775	66.588.795.111
<b>Cộng</b>	<b>1.812.778.397.292</b>	<b>936.421.882.888</b>

*Trong đó số dư với Bên liên quan:*

+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	544.105.762	336.291.862
--	-------------	-------------

**23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	13.720.929.628	148.328.249.666
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	250.000.000	300.750.000.000
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	66.233.546.180	4.262.809.509
<b>Cộng</b>	<b>80.204.475.808</b>	<b>453.341.059.175</b>

*Trong đó số dư với Bên liên quan:*

+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	76.802.268.562	-
+ Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	147.409.598.136



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm (*)	Thực nộp trong năm (*)	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	22.833.445.895	326.262.366.932	290.347.621.086	58.748.191.741
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	920.963.677.578	904.388.007.713	16.575.669.865
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt hàng NK	-	426.869.347.176	411.800.556.390	15.068.790.786
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	316.209.911.983	305.047.844.735	11.162.067.248
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.168.701.784	35.842.970.325	33.385.360.277	28.626.311.832
- Thuế Thu nhập cá nhân	36.366.651	5.409.563.082	3.813.560.561	1.632.369.172
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	35.502.883.086	38.763.727.887	74.266.610.973	-
- Thuế bảo vệ môi trường	264.051.947.000	1.413.432.197.450	1.586.931.298.900	90.552.845.550
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Cổ tức nộp NSNN; Phí, lệ phí, thuế khác	149.400.000	86.290.299.091	86.341.319.091	98.380.000
<b>Cộng</b>	<b>348.742.744.416</b>	<b>3.570.044.061.504</b>	<b>3.696.322.179.726</b>	<b>222.464.626.194</b>

**Trong đó:**

- Thuế phải nộp	<b>349.273.934.769</b>			<b>222.680.177.934</b>
Thuế nộp thừa				
- (Tham chiếu V.II)	<b>(531.190.353)</b>			<b>(215.551.740)</b>

(\*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

### Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- \* *Không chịu thuế* : *Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng*
- \* *Không kê khai thuế* : *Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định, phí sử dụng đường bộ*
- \* 5% : *Nước sinh hoạt*
- \* 8% và 10% : *Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...*

### Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- \* 8% : *Xăng E5 Ron 92*
- \* 10% : *các loại xăng khác*
- \* 20% : *hoạt động kinh doanh Gôn*

### Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 156/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.
- Thông tư số 149/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

### Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

### Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, Thông tư 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

**Các loại thuế khác**

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

**25. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	3.914.832.258	3.435.860.778
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí gia công chế biến đá	195.025.000	142.161.000
- Chi phí khác	759.785.168	20.370.179
<b>Cộng</b>	<b>5.283.006.610</b>	<b>4.011.756.141</b>

**26. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	495.927.250	436.213.254
- Phải trả liên quan Upas LC cho các ngân hàng TMCP	1.190.518.456.125	230.203.253.666
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (TCT)	84.407.785	35.075.425
- Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	8.143.375.000	8.443.375.000
- Công ty CP Giang Nam Logistics	99.166.666.667	61.700.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.820.135.877	1.894.650.877
- Các khoản phải trả khác	841.197.296	2.946.165.078
<b>Cộng</b>	<b>1.302.448.046.800</b>	<b>307.036.614.100</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả vay trong năm	Số cuối năm
27.1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	795.679.983.626	4.658.341.026.701	(5.148.327.535.621)	305.693.474.706
27.2 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	298.102.110.222	425.241.104.800	(723.343.215.022)	-
27.3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	465.056.443.405	2.215.376.322.328	(2.394.322.239.408)	286.110.526.325
27.4 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	356.910.742.587	(224.605.780.685)	132.304.961.902
27.5 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	230.000.000.000	236.307.600.706	(410.022.288.307)	56.285.312.399
27.6 Malayan Banking Berhad (Maybank)	222.573.488.965	1.724.458.060.317	(1.736.406.697.689)	210.624.851.593
27.7 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	841.960.981.927	(775.950.329.738)	66.010.652.189
27.8 Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	244.550.872.005	1.462.865.657.521	(1.448.097.405.912)	259.319.123.614
27.9 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	402.976.391.365	2.632.051.234.803	(3.035.027.626.168)	-
27.10 Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	266.868.650.627	(266.868.650.627)	-
27.11 Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN)	-	973.193.807.514	(973.193.807.514)	-
27.12 Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-
27.13 Nợ đến hạn trả (Quỹ Bảo vệ Môi trường BD)	2.404.800.000	[*] 1.600.800.000	(2.404.800.000)	1.600.800.000
<b>Cộng</b>	<b>2.661.344.089.588</b>	<b>15.895.175.989.831</b>	<b>(17.238.570.376.691)</b>	<b>1.317.949.702.728</b>

[\*] Khoản tăng trong năm là phân loại lại khoản Nợ dài hạn đến hạn trả.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**27.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 210016/2021-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 11/10/2021 và các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 10/3/2022 và ngày 29/12/2022, cụ thể:**

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/3/2022
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ.

**27.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-210038001 ngày 12/5/2021, cụ thể:**

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/83406/HĐTD ngày 01/8/2022, cụ thể:**

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/7/2023
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**27.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 216/2022/HDHM/CIB ngày 08/7/2022, cụ thể:**

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) theo Hợp đồng tín dụng số 4875701.22 ngày 26/4/2022, cụ thể:**

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) theo Hợp đồng số HCMC-HN/SLO/THALEXIM/2018/02 ngày 27/11/2018, các Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/SLO/2019/THALEXIM/52 ngày 02/12/2019, số MBB/HCMC/LO/2020/THALEXIM/97 ngày 30/11/2020; số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/27 ngày 22/4/2021; số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/131 ngày 09/12/2021; số MBB/HCMC/SLO/2021/THALEXIM/89 ngày 13/12/2022; Các điều khoản cơ bản như sau:**

- Hạn mức vay : 11.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 13/12/2023
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C, Cho vay tín thác, Tài trợ hoá đơn, Tín dụng tuần hoàn, Bảo lãnh, Hợp đồng mua bán ngoại hối
- Lãi suất : Thư tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm; Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**27.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 643/2022/HĐTĐ ngày 11/02/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội)** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441.0109/2022/HĐTĐHM-DN/PGBank.SG ngày 22/7/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 450.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 22/7/2023
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)** theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 537.2022/HDHM/SHB.110100 ngày 14/7/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 14/7/2023
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**27.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong** theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 560/2021/HDTD/BDG/01 ngày 25/01/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)** theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-21204 ngày 12/01/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**27.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20726/22MN/HĐTĐ ngày 20/6/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**27.13 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương**

Các khoản nợ vay **Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương** đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.34) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTĐ) sau:

	Số đầu năm	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- HĐĐ số 09/2017 mua 3 xe ép rác	804.000.000	-	(804.000.000)	-
- HĐĐ số 11/2019 mua 2 xe ép rác	800.400.000	800.400.000	(800.400.000)	800.400.000
- HĐĐ số 04/2021 mua 2 xe ép rác	800.400.000	800.400.000	(800.400.000)	800.400.000
<b>Cộng</b>	<b>2.404.800.000</b>	<b>1.600.800.000</b>	<b>(2.404.800.000)</b>	<b>1.600.800.000</b>

Nợ vay dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng tín dụng (Tham chiếu Tham chiếu V.34.3).

**28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Số đầu năm	Bổ sung từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	45.835.913.335	6.201.984.100	(4.771.257.660)	47.266.639.775
- Quỹ phúc lợi	1.791.360.667	15.615.704.045	(8.595.618.231)	8.811.446.481
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	637.176.667	3.615.545.561	(3.338.576.204)	914.146.024
<b>Cộng</b>	<b>48.264.450.669</b>	<b>25.433.233.706</b>	<b>(16.705.452.095)</b>	<b>56.992.232.280</b>

**29. Quỹ bình ổn giá**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích trong năm	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	(23.133.344.100)	343.600.101.089	(56.234.275.750)	264.232.481.239
- Lãi quỹ bình ổn giá	4.909.794.113	138.372.946	-	5.048.167.059
<b>Cộng</b>	<b>(18.223.549.987)</b>	<b>343.738.474.035</b>	<b>(56.234.275.750)</b>	<b>269.280.648.298</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>30. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>22.024.200.000</b>	<b>22.024.200.000</b>
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.		
<b>31. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>
Các khoản nhận trước tiền của khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản tại Khu dân cư An Sơn.		
<b>32. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>		
Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:		

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	267.961.480.883	280.113.725.891
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(12.152.245.008)	(12.152.245.008)
- Số cuối năm	<b>255.809.235.875</b>	<b>267.961.480.883</b>

**33. Phải trả dài hạn khác**  
Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Dae Kwang Apparel	7.105.500.000	6.873.000.000
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.610.020.330	3.491.896.380
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	4.783.422.600	3.062.168.928
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.000.000.000
- Các đối tượng khác	11.710.294.184	10.763.353.639
<b>Cộng</b>	<b>29.512.320.394</b>	<b>26.190.418.947</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**34. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả vay trong năm / Giảm khác	Số cuối năm
34.1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	63.956.560.435	-	(26.856.560.435)	37.100.000.000
34.2	Trái phiếu phát hành (Ngân hàng TMCP Tiên Phong)	93.000.000.000	-	(93.000.000.000)	-
34.3	Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	4.798.400.000	-	[*] (1.600.800.000)	3.197.600.000
	<b>Cộng</b>	<b>161.754.960.435</b>	<b>-</b>	<b>(121.457.360.435)</b>	<b>40.297.600.000</b>

[\*] Khoản giảm trong năm là phân loại lại sang Nợ dài hạn đến hạn trả (Tham chiếu V.27.13).

**34.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo các Hợp đồng sau:****❖ Hợp đồng cho vay số 184/2019/HĐCV ngày 23/10/2019:**

- Hạn mức vay : **34.300.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : Tối đa 36 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Sử dụng vốn thực hiện dự án kho cảng Xăng dầu Bình Thắng tại TX Dĩ An, Bình Dương.
- Tài sản đảm bảo : Các lợi thế, quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng đất thuê hằng năm tại thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 1 (8 BT1), Phường Bình Thắng, Dĩ An, BD thuộc quyền sử dụng đất của KH theo giấy CN quyền SD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 482494, số vào sổ cấp GCN: CT 02020 (04/05/2018);  
  
Tài sản trên đất: Nhà xưởng, nhà kho/ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất của KH thuộc dự án "kho cảng xăng dầu Bình Thắng", gắn liền với thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 1 (8 BT1), phường Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương.
- Dư nợ 31/12/2022 : **0 Đồng**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**❖ Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021:**

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 31/12/2022 : 37.100.000.000 Đồng
- + Trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng : 10.600.000.000 Đồng

**34.2 Khoản trái phiếu phát hành cho Trái chủ là Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Cụ thể:**

- Mệnh giá : 100.000.000 Đồng/trái phiếu
- Số lượng : 2.000 trái phiếu
- Tổng mệnh giá : 200.000.000.000 Đồng
- Kỳ hạn : 48 tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành : 27/12/2019
- Loại hình : Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có đảm bảo bằng tài sản
- Lãi suất : Lãi cho kỳ đầu tiên là 11%/năm; lãi suất cho các kỳ lãi tiếp theo được xác định theo nguyên tắc của bảng tổng của lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,8%/năm. Tiền lãi sẽ được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Lãi trái phiếu được thanh toán 06 tháng một lần.
- Tài sản đảm bảo : Theo hợp đồng thế chấp tài sản
- Dư nợ 31/12/2022 : 0 Đồng

**34.3 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương**

	Số đầu năm	Chuyển nợ đến hạn	Số cuối năm
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	1.598.800.000	(800.400.000)	798.400.000
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	3.199.600.000	(800.400.000)	2.399.200.000
<b>Cộng</b>	<b>4.798.400.000</b>	<b>(1.600.800.000)</b>	<b>3.197.600.000</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

❖ **Hợp đồng tín dụng 09/2017/HĐTD ngày 16/11/2017 và Phụ lục ngày 30/11/2017 về Lịch trả nợ, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.430.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 3 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 31/12/2022 : 0 Đồng.

❖ **Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTD ngày 09/12/2019 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/12/2019, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
- Lãi suất : Lãi suất 3,6%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 31/12/2022 : 1.598.800.000 Đồng (trong đó nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 800.400.000 Đồng).

❖ **Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 31/12/2022 : 3.199.600.000 Đồng (trong đó nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 800.400.000 Đồng).

Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay, thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (Thuyết minh số V.2) và Thư bảo lãnh vay vốn số 1145/TBL-BIDV.BD ngày 24/12/2019 được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

*Tổng dư nợ đến hạn phải trả trong 12 tháng là 1.600.800.000 Đồng.*

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**35. Vốn chủ sở hữu (CSH)**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>A Năm trước</b>				
35.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3 Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4 Quỹ đầu tư phát triển	9.727.423.799	563.800.929	-	10.291.224.728
35.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	51.094.028.998	101.243.961.133	(37.552.983.855)	114.785.006.276
35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	90.369.207.707	142.037.282.233	(8.597.807.506)	223.808.682.434
<b>Cộng</b>	<b>2.491.704.436.910</b>	<b>243.845.044.295</b>	<b>(46.150.791.361)</b>	<b>2.689.398.689.844</b>
<b>B Năm nay</b>				
35.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3 Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4 Quỹ đầu tư phát triển	10.291.224.728	5.213.073.457	-	15.504.298.185
35.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	114.785.006.276	34.726.645.426	(107.222.505.880)	42.289.145.822
35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	223.808.682.434	8.426.450.285	(8.194.085.516)	224.041.047.203
<b>Cộng</b>	<b>2.689.398.689.844</b>	<b>48.366.169.168</b>	<b>(115.416.591.396)</b>	<b>2.622.348.267.616</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

### 35.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu (Số đầu năm)	Số cổ phiếu (Số cuối năm)	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	85.176.000	36,00%
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	37.856.000	16,00%
- Các cổ đông khác	113.568.000	113.568.000	48,00%
<b>Cộng</b>	<b>236.600.000</b>	<b>236.600.000</b>	<b>100,00%</b>

### 35.2 *Cổ phiếu quỹ*

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

### 35.3 *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “*Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất*”.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964		- 17.738.905.964
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782		- 515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848		- 6.988.136.848
<b>Cộng</b>	<b>25.242.423.594</b>		<b>- 25.242.423.594</b>

**35.4 Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận.

**35.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	<b>114.785.006.276</b>	<b>51.094.028.998</b>
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP năm trước	3.574.502.649	(19.748.133.287)
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(104.261.469.145)	(11.276.018.582)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(5.213.073.457)	(563.800.929)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(15.615.704.045)	(1.609.204.777)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(3.232.105.543)	(349.556.576)
+ Chia cổ tức	(80.200.586.100)	(8.753.456.300)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	<b>14.098.039.780</b>	<b>20.069.877.129</b>
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	34.726.645.426	101.243.961.133
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(6.535.539.384)	(6.528.831.986)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(6.178.099.366)	(6.528.831.986)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(357.440.018)	-
- Lợi nhuận CPP năm nay	28.191.106.042	94.715.129.147
- <b>Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau</b>	<b>42.289.145.822</b>	<b>114.785.006.276</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

	Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>A</b>	<b>Năm trước</b>				
-	Số đầu năm	89.600.500.000	75.306.394	693.401.313	90.369.207.707
-	Góp vốn trong năm	135.551.794.800	-	-	135.551.794.800
-	Lãi, lỗ trong năm	-	-	6.485.487.433	6.485.487.433
-	Chia cổ tức	-	-	(8.443.375.000)	(8.443.375.000)
-	Trích quỹ KTPL	-	-	(154.432.506)	(154.432.506)
-	<b>Số cuối năm</b>	<b>225.152.294.800</b>	<b>75.306.394</b>	<b>(1.418.918.760)</b>	<b>223.808.682.434</b>
<b>B</b>	<b>Năm nay</b>				
-	Số đầu năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.418.918.760)	223.808.682.434
-	Lãi, lỗ trong năm	-	-	8.426.450.285	8.426.450.285
-	Chia cổ tức	-	-	(8.144.200.782)	(8.144.200.782)
-	Trích quỹ KTPL	-	-	(49.884.734)	(49.884.734)
-	<b>Số cuối năm</b>	<b>225.152.294.800</b>	<b>75.306.394</b>	<b>(1.186.553.991)</b>	<b>224.041.047.203</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2022**

	<b>ĐVT: Đồng</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>36. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>25.508.217.273.383</b>	<b>11.904.520.095.837</b>
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(2.757.672.062)
<b>Doanh thu thuần</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	23.053.021.945.198	10.333.043.636.181
- Doanh thu bán các thành phẩm	1.217.655.008.915	594.332.857.982
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	374.462.997.546	353.388.698.185
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	860.515.547.266	619.317.842.396
- Doanh thu khác	2.561.774.458	1.679.389.031
<b>Cộng Doanh thu thuần</b>	<b>25.508.217.273.383</b>	<b>11.901.762.423.775</b>
<b>37. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.687.914.802.965	10.151.446.811.242
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.227.927.834.033	585.208.468.333
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	264.564.293.709	266.084.561.226
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	635.428.613.539	284.339.879.277
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.157.829)
<b>Cộng</b>	<b>24.815.835.544.246</b>	<b>11.287.075.562.249</b>
<b>38. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.157.097.329	3.865.978.537
- Lãi chênh lệch tỷ giá	45.405.048.208	24.621.433.945
<b>Cộng</b>	<b>59.562.145.537</b>	<b>28.487.412.482</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**39. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	141.565.021.871	150.528.572.940
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	103.223.536.378	10.115.782.982
<b>Cộng</b>	<b>244.788.558.249</b>	<b>160.644.355.922</b>

**40. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết**

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	17.259.352.800	(9.853.114.570)
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	6.843.241.758	5.542.265.974
<b>Cộng</b>	<b>24.102.594.558</b>	<b>(4.310.848.596)</b>

**41. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân viên bán hàng	77.072.782.289	65.893.990.402
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.466.289.654	2.341.145.088
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.374.792.719	1.522.680.320
- Chi phí khấu hao TSCĐ	36.502.014.976	31.343.465.932
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.934.198.273	52.693.061.005
- Chi phí bằng tiền khác	117.233.943.042	90.354.961.822
<b>Cộng</b>	<b>356.584.020.953</b>	<b>244.149.304.569</b>

**42. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nhân viên quản lý	37.626.830.198	31.874.440.736
- Chi phí vật liệu quản lý	1.239.111.692	753.980.447
- Chi phí đồ dùng văn phòng	740.791.391	1.289.521.442
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.891.204.831	5.996.997.193
- Thuế, phí và lệ phí	85.618.629	49.053.440
- Chi phí dự phòng	(139.074.000)	(3.803.147.366)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.887.127.498	11.861.090.029
- Chi phí bằng tiền khác	42.993.086.470	40.571.580.261
<b>Cộng</b>	<b>100.324.696.709</b>	<b>88.593.516.182</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**43. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	1.172.727.273	18.000.000
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	814.189.345	931.492.907
- Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác	7.356.998.404	5.706.374.846
<b>Cộng</b>	<b>9.343.915.022</b>	<b>6.655.867.753</b>

**44. Chi phí khác**

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	846.315.811	260.996.401
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	3.850.726.496	3.008.331.594
<b>Cộng</b>	<b>4.697.042.307</b>	<b>3.269.327.995</b>

**45. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.996.066.036	148.862.788.497
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	149.993.277.289	47.041.279.567
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(47.345.051.686)	(281.825.530)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(2.429.440.012)	(31.726.339.636)
- Tổng Thu nhập tính thuế	179.214.851.627	163.895.902.898
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN tính theo thuế suất	35.842.970.325	32.779.180.580
- Thuế TNDN được miễn giảm (30% theo NĐ 92)	-	(1.019.473.605)
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước (theo BBKT Nhà nước)	-	9.373.632.956
- <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>35.842.970.325</b>	<b>41.133.339.931</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**46. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	1.247.118.339	1.536.067.248
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(274.066.650)	(390.659.451)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.333.019.909	6.108.911.652
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	1.120.378.687	(768.832.016)
<b>Cộng</b>	<b>8.426.450.285</b>	<b>6.485.487.433</b>

**47. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	<b>34.726.645.426</b>	<b>101.243.961.133</b>
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(12.821.062.206)	(25.376.641.574)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>21.905.583.220</b>	<b>75.867.319.559</b>
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	236.579.900
- <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>93</b>	<b>321</b>
- <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>93</b>	<b>321</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**Giao dịch với các bên liên quan:**

- Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao của HĐQT, BKS	2.112.000.000	-
- Thưởng Ban Điều hành	990.000.000	-
- Tiền lương Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, BKS)	3.232.769.230	2.929.378.462
<b>Cộng (*)</b>	<b>6.334.769.230</b>	<b>2.929.378.462</b>

(\*) Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành năm 2020, 2021 chi trong năm 2022.

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ **Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	97.471.006.510	2.505.884.735.280	2.352.123.880.606	251.231.861.184
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	1.836.594.446	37.234.080.968	48.871.865.296	(9.801.189.882)
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	8.021.290	133.402.800	128.281.290	13.142.800
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	787.079.375	2.611.380.597	3.398.459.972	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	1.320.000.000	1.320.000.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	320.523.257	190.186.828.368	267.300.260.187	(76.792.908.562)
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	(147.409.598.136)	447.732.855.840	299.114.451.964	1.208.805.740
<b>Cộng</b>	<b>(46.986.373.258)</b>	<b>3.185.103.283.853</b>	<b>2.972.257.199.315</b>	<b>165.859.711.280</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	9.578.634.947	9.578.634.947	9.578.634.947	9.578.634.947
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	6.000.000.000	4.819.080.000	6.019.080.000	4.800.000.000
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	5.914.405.088	6.336.000.451	5.914.405.088	6.336.000.451
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	863.171.152	-	863.171.152	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	35.000.000.000	80.000.000.000	-	115.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	1.463.306.284.990	1.463.306.284.990	-
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	23.112.679.476	2.034.000.095	2.546.679.571	22.600.000.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	37.887.121	-	37.887.121	-
<b>Cộng</b>	<b>80.506.777.784</b>	<b>1.566.074.000.483</b>	<b>1.488.266.142.869</b>	<b>158.314.635.398</b>

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải trả trong năm	Đã trả / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	-	80.494.188.377	80.494.188.377	-
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ BD [*]	5.123.120.643	115.216.260.534	115.680.965.489	4.658.415.688
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ [*]	22.295.000	417.816.852	369.929.852	70.182.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	22.584.282.589	22.584.282.589	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	336.291.862	6.406.504.673	6.198.690.773	544.105.762
<b>Cộng</b>	<b>5.481.707.505</b>	<b>225.119.053.025</b>	<b>225.328.057.080</b>	<b>5.272.703.450</b>

[\*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

**2. Thông tin về báo cáo bộ phận**❖ *Theo khu vực địa lý*

*Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.*

❖ *Theo lĩnh vực kinh doanh*

*Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:*

Năm nay	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	24.186.317.825.395	875.623.855.766	446.275.592.222	25.508.217.273.383
- Giá vốn hàng bán	(23.836.665.142.491)	(653.875.661.794)	(325.294.739.961)	(24.815.835.544.246)
- Lợi nhuận gộp	349.652.682.904	221.748.193.972	120.980.852.261	692.381.729.137
- Doanh thu HĐ tài chính	30.675.899	-	59.531.469.638	59.562.145.537
- Chi phí tài chính	(101.553.866.239)	(67.484.234.540)	(75.750.457.470)	(244.788.558.249)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	24.102.594.558	24.102.594.558
- Chi phí bán hàng	(274.039.467.791)	(55.544.871.331)	(26.999.681.831)	(356.584.020.953)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(40.961.203.136)	(25.055.900.534)	(34.307.593.039)	(100.324.696.709)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(66.871.178.363)	73.663.187.567	67.557.184.117	74.349.193.321
- Thu nhập khác	1.500.000	-	9.342.415.022	9.343.915.022
- Chi phí khác	(240.116.242)	-	(4.456.926.065)	(4.697.042.307)
- Lợi nhuận khác	(238.616.242)	-	4.885.488.957	4.646.872.715
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(67.109.794.605)	73.663.187.567	72.442.673.074	78.996.066.036
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.644.884.828)	(17.887.189.401)	(16.310.896.096)	(35.842.970.325)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	(68.754.679.433)	55.775.998.166	56.131.776.978	43.153.095.711

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

Năm trước	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.892.383.030.192	615.271.199.146	394.108.194.437	11.901.762.423.775
- Giá vốn hàng bán	(10.704.273.016.889)	(283.514.297.502)	(299.288.247.858)	(11.287.075.562.249)
- Lợi nhuận gộp	188.110.013.303	331.756.901.644	94.819.946.579	614.686.861.526
- Doanh thu HĐ tài chính	16.974.081	-	28.470.438.401	28.487.412.482
- Chi phí tài chính	(40.695.462.968)	(78.653.736.255)	(41.295.156.699)	(160.644.355.922)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	(4.310.848.596)	(4.310.848.596)
- Chi phí bán hàng	(88.197.451.291)	(136.675.710.751)	(19.276.142.527)	(244.149.304.569)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.081.397.087)	(33.271.768.633)	(35.240.350.462)	(88.593.516.182)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	39.152.676.038	83.155.686.005	23.167.886.696	145.476.248.739
- Thu nhập khác	-	-	6.655.867.753	6.655.867.753
- Chi phí khác	(5.913.700)	-	(3.263.414.295)	(3.269.327.995)
- Lợi nhuận khác	(5.913.700)	-	3.392.453.458	3.386.539.758
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.146.762.338	83.155.686.005	26.560.340.154	148.862.788.497
- Thuế TNDN hiện hành	(6.102.780.445)	(25.422.448.931)	(9.608.110.555)	(41.133.339.931)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	33.043.981.893	57.733.237.074	16.952.229.599	107.729.448.566

**3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết**

Tổng Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2022

## 4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục đề nghị được giảm 30% tiền thuê đất năm 2022 theo Quyết định 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ về việc giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022;

Ngoài sự kiện vừa nêu, Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2022 sau đây:

- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; và Nghị định 41/2022/NĐ-CP ngày 20/06/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.
- Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2022.
- Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
- Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Ngân

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Băng Trang